TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 74/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 23/10/2019
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương

2. Ông Trần Đại Thắng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Võ Minh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 213/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Huỳnh Văn C, sinh năm: 1990; Địa chỉ: ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh H (có mặt)

Bị đơn: Chị Châu Ngọc V, sinh năm: 1995; Địa chỉ: ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh H (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Huỳnh Văn U, sinh năm: 1962 (có mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị Hoa X, sinh năm: 1961 (có mặt)

3/ Chị Huỳnh Thị Bích D, sinh năm: 1986 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh H

Người làm chứng:

1/ Bà Nhan Hòa H (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh H

2/ Bà Trần Thị T (mẹ chị V). (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 19/7/2019, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn anh Huỳnh Văn C trình bày:

Anh và chị Châu Ngọc V làm lễ cưới và chung sống với nhau vào tháng 12/2017, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào tháng 01/2018. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 03/2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không còn tin yêu nhau hay bất đồng quan điểm, từ đó dẫn đến mất hạnh phúc gia đình. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 05/2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Nữ trang cưới 13,5 chỉ vàng 24K, vợ chồng chung sống mua thêm được 06 chỉ vàng 24K; nữ trang cưới còn có 07 chỉ vàng 18K, vợ chồng chung sống mua thêm được 10 chỉ vàng 18K. Tổng cộng 19 chỉ vàng 24K và 17 chỉ vàng 18K, số nữ trang này chị V đang quản lý toàn bộ

Về nợ chung: Nợ chị Huỳnh Thị Bích D (chị anh C) 01 chỉ vàng 24K.

Nay anh C yêu cầu được ly hôn với chị V; Về con chung: không có; Về tài sản chung: 19 chỉ vàng 24K và 17 chỉ vàng 18K, số nữ trang này chị V đang quản lý toàn bộ yêu cầu chia ½; Về nợ chung: yêu cầu chia ½ trả 01 chỉ vàng 24K cho chị D.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Châu Ngọc V trình bày:

Chị V thừa nhận về quan hệ hôn nhân; con chung như anh C trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C không thật sự quan tâm lo lắng cho chị V, giữa chị V và bà X (mẹ anh C) không hợp nhau, dẫn đến gia đình mất hạnh phúc. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 05/2019 cho đến nay.

Nay anh C yêu cầu ly hôn chị V cũng thống nhất ly hôn; Về con chung: không có; Về tài sản chung: nữ trang cưới cha mẹ anh C cho 10 chỉ vàng 24K, số vàng này chị V quản lý, nhưng đã bán để lo chi phí thụ tinh trong ống nghiệm hết vào năm 2018, nên không còn, do đó không đồng ý chia. Ngoài ra mẹ ruột chị V là bà T có cho riêng chị V 16,5 chỉ vàng 18K và 3,5 chỉ vàng 24K, số vàng này chị V cũng đã bán để lo chi phí thụ tinh trong ống nghiệm hết vào năm 2018; Về nợ chung: Nợ chị Huỳnh Thị Bích D 05 chỉ vàng 24K để lo việc làm cho anh C, đã trả được 04 chỉ vàng 24K, còn lại 01 chỉ vàng 24K chị V đồng ý chia ½ trả, tuy nhiên nợ để lo việc làm cho anh C, nên anh C phải trả lại cho chị V 02 chỉ vàng 24K, trong số 04 chỉ vàng 24K đã trả cho chị D, thì chị V sẽ đồng ý trả cho chị D ½ là 05 phân vàng 24K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Bích D theo bản tự khai (bl 22) trình bày:

Hiện tại vợ chồng anh C và chị V còn nợ chị D 01 chỉ vàng 24K. Nay vợ chồng anh C, chị V ly hôn thì chị D yêu cầu anh C và chị V trả lại 01 chỉ vàng 24K

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn U và bà Nguyễn Thị Hoa X (cha mẹ anh C) thống nhất trình bày:

Khi vợ chồng anh C và chị V sống chung thì toàn bộ chi phí lo cho chị V thụ tinh trong ống nghiệm khoảng 100.000.000 đồng là do ông U và bà X đưa ra để lo cho anh C và chị V, không phải chị V bán vàng để lo chi phí. Đối với số tiền trên ông U, bà X không có yêu cầu gì.

Người làm chứng bà Nhan Hòa H (Dì anh C) trình bày: Khoảng tháng 8/2019 khi chị V về gia đình anh C lấy đồ thì cha mẹ anh C là ông U và bà X có kêu bà H qua nhà chứng kiến, bà H nghe ông U, bà X hỏi chị V "con lấy vàng đi hết rồi phải không?" chị V trả lời "Dạ" và còn nói "cha mẹ không tin tưởng con sao mà kêu dì S qua làm chứng"

Người làm chứng bà Trần Thị T (mẹ chị V) trình bày: Khi chị V kết hôn với anh C, trong ngày lễ xuất giá, bà T có cho riêng chị V số nữ trang là 16,5 chỉ vàng 18K và 3,5 chỉ vàng 24K

Đại diện Viện kiểm sát huyện Châu Thành phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, Điều 55, Điều 59, Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Huỳnh Văn C và chị Châu Ngọc V

Về con chung: không có

Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh Huỳnh Văn C

Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Huỳnh Thị Bích D

Anh Huỳnh Văn Chơn có trách nhiệm trả cho chị Huỳnh Thị Bích D 0,5 chỉ vàng 24K; Chị Châu Ngọc V có trách nhiệm trả cho chị Huỳnh Thị Bích D 0,5 chỉ vàng 24K

Không chấp nhận yêu cầu của chị Châu Ngọc V yêu cầu anh C trả lại 02 chỉ vàng 24K.

Phần án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Bích D có yêu cầu xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Văn C và chị Châu Ngọc V chung sống kết hôn với nhau vào tháng 12/2017, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào tháng 01/2018 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 03/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không còn tin yêu nhau nên bất đồng quan điểm và vợ chồng không thật sự quan tâm chăm sóc cho nhau, từ đó dẫn đến mất hạnh phúc gia đình và vợ chồng chính thức ly thân nhau từ tháng 05/2019 đến nay, trong suốt quá trình ly thân vợ chồng cũng không hàn gắn đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án và tại tòa anh C vẫn kiên quyết ly hôn, chị V cũng thống nhất ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh C và chị V.

[3] Về con chung: không có

[4] Về tài sản chung: Anh C có đơn yêu cầu chia tài sản chung là 19 chỉ vàng 24K và 17 chỉ vàng 18K. Trong đó nữ trang cưới 13,5 chỉ vàng 24K, 07 chỉ vàng 18K, vợ chồng chung sống mua thêm được 06 chỉ vàng 24K và 10 chỉ vàng 18K, lời trình bày của anh C chị V không thừa nhận, anh C không có chứng cứ chứng minh, hơn nữa về tổng sống vàng 24K như anh C trình bày là 19,5 chỉ, không phải 19 chỉ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ theo lời thừa nhận của chị V nữ trang cưới cha mẹ chồng cho 10 chỉ vàng 24K là phù hợp, tuy nhiên chị V cho rằng tài sản riêng được cha mẹ ruột cho trong ngày cưới (lễ xuất giá) 3,5 chỉ vàng 24K và 16,5 chỉ vàng 18K, nhưng đây là tài sản chị V cũng có được trong ngày cưới, giống như 10 chỉ vàng 24K gia đình anh C cũng tặng cho trong ngày cưới, nên số vàng này cũng là tài sản chung của chị V và anh C. Vậy tổng cộng tài sản chung có được khi anh C chị V làm lễ cưới là 13,5 chỉ vàng 24K và 16,5 chỉ vàng 18K.

Số tiền chi phí thụ tinh trong ống nghiệm của anh C, chị V. Thì anh C cho rằng do cha mẹ anh là ông U và bà X chi trả khoảng 100.000.000 đồng, điều này không được chị V thừa nhận, anh C, ông U và bà X không có chứng cứ chứng minh. Bản thân chị V thì cung cấp được các chứng từ hóa đơn chứng minh chi phí thực hiện việc thụ tinh trong ống nghiệm với tổng số tiền là 86.228.540 đồng, đây là số tiền lớn do đó chị V trình bày phải bán nữ trang cưới để lo chi phí là phù hợp. Tính tại thời điểm xét xử ngày 23/10/2019 vàng 24K có giá 4.090.000 đồng/chỉ, vậy 13,5 chỉ x 4.090.000 đồng = 55.215.000 đồng và vàng 18K có giá 3.008.100 đồng/chỉ, vậy 16,5 chỉ x 3.008.100 đồng = 49.633.650 đồng. Tổng

cộng nữ trang cưới chị V quản lý quy đổi ra tiền Việt Nam đồng là 104.848.650 đồng – 86.228.540 đồng (chi phí thụ tinh trong ống nghiệm) = 18.620.110 đồng, quy đổi tiền qua vàng 24K thì còn tương đương 4,6 chỉ vàng 24K. Như vậy sau khi trừ số vàng đã bán để lo chi phí thụ tinh trong ống nghiệm, thì chị V vẫn còn quản lý 4,6 chỉ vàng 24K là tài sản chung, anh C có yêu cầu chia tài sản chung, nên chị V phải có trách nhiệm đưa lại cho anh C 2,3 chỉ vàng 24K là phù hợp.

[5] Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị Bích D yêu cầu anh C và chị V trả 01 chỉ vàng 24K, anh C và chị V thừa nhận nợ và đồng ý chia đôi trả ½. Do đó anh C và chị V mỗi người phải có trách nhiệm trả cho chị D 05 phân vàng 24K.

Đối với việc chị V yêu cầu anh C trả lại 02 chỉ vàng 24K trong số 04 vàng 24K đã trả cho chị D, xét thấy tại thời điểm trả nợ 04 chỉ vàng 24K anh C, chị V còn sống chung trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp, nợ để lo việc làm cho anh C, nên chị V phải có trách nhiệm trả nợ chung cùng anh C là phù hợp, hơn nữa bản thân chị V cũng đã thống nhất cùng với anh C trả cho chị D 01 chỉ vàng 24K là số nợ còn lại. Do đó không cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm (án phí chia tài sản chung và trách nhiệm trả nợ): Nguyên đơn và bị đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 33, 37, 38, 51, 53, 55, 59, 60 Luật hôn nhân gia đình; Các Điều 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Huỳnh Văn C và chị Châu Ngọc V.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: Anh Huỳnh Văn C được chia ½ giá trị tài sản chung, do chị Châu Ngọc V đang quản lý tài sản chung gồm nữ trang cưới còn lại là 4,6 chỉ vàng 24K (loại 98%). Nên buộc chị Châu Ngọc V phải trả cho anh Huỳnh Văn C 2,3 chỉ vàng 24K (loại 98%).

Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Huỳnh Thị Bích D. Buộc anh Huỳnh Văn C trả cho chị Huỳnh Thị Bích D 05 phân vàng 24K (loại 98%). Buộc chị Châu Ngọc V trả cho chị Huỳnh Thị Bích D 05 phân vàng 24K (loại 98%).

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Huỳnh Văn C phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số

0021529 ngày 05/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Anh C đã nộp đủ án phí phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm (đối với phần chia tài sản chung và trách nhiệm trả nợ): Anh Huỳnh Văn C phải nộp 572.000 đồng nhưng được khấu trừ 3.127.000 đồng tiền tạm ứng án phí thể hiện tại biên lai số 0021566 ngày 23/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, anh C còn được nhận lại 2.555.000 đồng.

Chị Châu Ngọc V phải nộp 572.000 đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí thể hiện tại biên lai số 0021562 ngày 20/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, chị V còn phải nộp 272.000 đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho chị Huỳnh Thị Bích D 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0021561 ngày 20/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- UBND TT. Mái Dầm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Tiến Dũng